TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 27-10-2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Nghĩa.
Ông Trần Văn Xuân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27/10/2017, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/10/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **NTD**, sinh năm: 1986 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: Anh **TĐT**, sinh năm: 1984 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2017, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn chị NTD trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, chị và anh TĐT đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào năm 2015. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do có nhiều điều không hòa hợp, anh T không lo làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình, mâu thuẫn về tiền bạc, nên thường xuyên cãi nhau. Anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 02/2017 đến nay. Nay tình cảm không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên TTT, sinh ngày 12/9/2016, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình làm việc và tại phiên tòa, bị đơn anh TĐT trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về điều kiện kết hôn, năm đăng ký kết hôn, diễn biến cuộc hôn nhân. Anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng anh không có gì nghiêm trọng, chủ

yếu là do kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh vẫn lo làm ăn để lo cho kinh tế gia đình. Từ tháng 02/2017 đến nay anh chị không còn sống chung, nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị D và vẫn lui tới để tìm cách hàn gắn, do đó anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị D, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, anh đồng ý giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D; Về con chung: giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T; tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị NTD và anh TĐT tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2015 tại UBND xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét lời trình bày của các đương sự thì thấy: Chị D yêu cầu ly hôn với anh T do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình, anh T không lo làm ăn, từ đó vợ chồng hay xảy ra cãi vã nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 02/2017 đến nay. Anh chị đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không được.

Anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chủ yếu là do kinh tế gia đình nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Trong thời gian chị D về nhà mẹ ruột sinh sống, anh vẫn lui tới thăm con và cố tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, từ tháng 2/2017 đến nay, anh chị không còn sống chung với nhau, không chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tại phiên tòa, chị D khẳng định không còn tình cảm với anh T và anh T cũng trình bày đã nhiều lần gặp chị D để tìm cách hàn gắn, nhưng chị D không đồng ý. Như vậy, chị D và anh T đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị D và anh T thống nhất giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên ghi nhận.

Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không giải quyết.

[5] Nợ chung: Không có, nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị NTD phải nộp 300.000 đồng Án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và Lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị NTD được ly hôn với anh TĐT.

- Về con chung: Giao cháu TTT, sinh ngày 12/9/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh TĐT.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị NTD phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000061 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

Chị D, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H.Xuân Lộc;*
- *CCTHADS H.Xuân Lộc;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã, thị trấn;*
- *Lưu án văn, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tuấn